

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 31

Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

C. Bảo Anh

Lê Bảo Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122210161	Hoàng Duy Anh	18/06/2004	CCQ2221A	1197	Anh	7,9	7,2	7,5	
2	2122130015	Trần Thị Châu Anh	16/05/2004	CCQ2213A			7,3			
3	2122210124	Trần Thị Tuyết	30/12/2004	CCQ2221D	1195	bàng	7,1	3,7 ²	5,1	
4	2123170328	Nguyễn Duy Bảo	09/06/2005	CCQ2317J	1196	Bảo	7,0	3,3	4,8	
5	2122170254	Trịnh Tiến Đạt	23/07/2003	CCQ2217G	1197	Đạt	6,9	4,4	5,4	
6	2122170248	Lâm Quang Điền	20/12/2004	CCQ2217G	1194	Điền	6,5	4,6	5,4	
7	2122120379	Đinh Thị Thùy Dung	19/01/2004	CCQ2212L	1195	Dung	7,2	6,5	6,8	
8	2122100101	Trần Thị Mai Dung	01/10/2004	CCQ2210C	1194	Dung	7,9	6,0	6,8	
9	2122120181	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	01/11/2004	CCQ2212F	1197	Duyên	7,6	4,3	5,6	
10	2124210077	Tổng Nguyễn Hương Giang	13/04/2006	CCQ2421C	1196	Giang	7,9	6,7	7,2	
11	2124210080	Lương Gia Hân	26/06/2006	CCQ2421C	1195	hân	6,6	4,3	5,2	
12	2124170327	Phạm Văn Hào	20/08/2006	CCQ2417I			0,0	Cấm thi		
13	2122210144	Nguyễn Lê Hoa	15/09/2004	CCQ2221D			7,6			
14	2122170462	Nguyễn Hồ Minh Khang	12/01/2004	CCQ2217L	1196	Khang	6,8	3,8 ²	5,0	
15	2123170641	Trần Xuân Gia Khang	19/11/2005	CCQ2317R	1195	Khang	6,1	5,6	5,8	
16	2123050077	Đỗ Minh Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	1996	Khoa	7,0	6,2	6,5	
17	2122210098	Văn Thị Tuyết Loan	10/03/2004	CCQ2221C	1197	Loan	6,6	6,2	6,4	
18	2122170386	Phan Trường Luân	20/03/2004	CCQ2217J	1194	Luân	7,9	4,9	6,1	
19	2122100141	Nguyễn Thị Hồng Ly	14/09/2003	CCQ2210D	1195	Ly	7,4	3,9	5,3	
20	2122110255	Phạm Văn Mạnh	10/05/2004	CCQ2211G	1196	Mạnh	7,8	7,5	7,6	
21	2122170500	Trần Văn Minh	09/02/2004	CCQ2217M	1197	Minh	7,3	4,9	5,9	
22	2122030075	Nguyễn Văn Mỹ	07/07/2004	CCQ2203C	1196	Mỹ	7,2	5,0	5,9	
23	2122110281	Nguyễn Phương Nam	12/08/2003	CCQ2211H	1195	Nam	8,6	8,2	8,4	
24	2124170326	Huỳnh Trọng Nghĩa	10/02/2006	CCQ2417A			0,0	Cấm thi		
25	2123110039	Mai Văn Nghiệp	20/10/2005	CCQ2311B			0,0	Cấm thi		
26	2122100078	Lê Thị Quỳnh Như	31/03/2004	CCQ2210C	1196	Như	8,2	5,3	6,5	
27	2122170440	Lục Đình Vĩnh Phong	27/11/2004	CCQ2217K	1195	Phong	5,7	3,3	4,3	
28	2122130041	Tô Thị Hoa Sim	12/05/2004	CCQ2213B	1194	Sim	7,9	4,5	5,9	

(62)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

C. Bảo Anh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124350122	Hà Văn Tâm	13/12/2002	CCQ2435A			0,0	Cấm thi		
30	2122170360	Phạm Ngọc Thạch	10/04/2004	CCQ2217I	1194	Thạch	6,4	5,0	5,6	
31	2122170246	Hứa Minh Thái	30/01/2003	CCQ2217G	1195	Th	7,0	5,5	6,1	
32	2122170703	Trần Hoài Thanh	25/01/2003	CCQ2217R	1196	Thanh	8,0	5,4	6,4	
33	2122130053	Nguyễn Thị Mỹ Thoa	08/10/2004	CCQ2213B	1197	Th	7,5	5,4	6,2	
34	2122270033	Phùng Thị Thùy	24/05/2004	CCQ2227A	1197	Th	7,7	7,0	7,3	
35	2123040024	Ngô Thái Tổ	06/05/2005	CCQ2304A	1194	Tổ	7,5	5,1	6,1	
36	2122050078	Lê Minh Trí	07/12/2004	CCQ2205C	1196	Trí	6,3	2,6	4,1	
37	2124270152	Phạm Đức Trung	16/07/2006	CCQ2427A			0,0	Cấm thi		
38	2123050029	Kiều Đan Trường	18/06/2005	CCQ2305A	1194	Trường	7,1	4,9	5,8	
39	2124120295	Nguyễn Xuân Trường	11/03/2004	CCQ2412H			0,0	Cấm thi		
40	2124170328	Phạm Nhật Trường	06/11/2006	CCQ2417I			0,0	Cấm thi		
41	2122170511	Lê Văn Tuấn	09/03/2004	CCQ2217M	1195	Tuan	6,8	7,0	6,9	
42	2122110225	Trương Minh Tuấn	09/07/2004	CCQ2211F			0,0	Cấm thi		
43	2122130083	Hà Thị Hoàng Vân	19/11/2004	CCQ2213C	1194	V	8,2	6,0	6,9	
44	2123100283	Châu Thị Việt	16/08/2005	CCQ2310H	1197	V	8,5	6,1	7,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 30
H: 11

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Muany
Vũ Thị Hương

Minh
Đào Thị Mỹ Linh

C. Bảo Anh
Lê Bảo Anh

N
Nguyễn Thị Phương Linh

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 41...

Số bài thi: 41.....

Số tờ giấy thi: 41...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123030047	Lê Văn	Bảo	07/08/2005	CCQ2303B	1194	Bảo	7,4	2,8	4,6	
-2	2123120303	Trần Thị Bảo	Châu	07/05/2005	CCQ2312F			0,0			
3	2122120461	Trần Mai Hải	Đăng	15/07/2004	CCQ2212N	1195	Hải	5,8	2,6	3,9	
4	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	1195	Danh	3,8	3,5	3,6	
5	2123110306	Phan Tấn	Đạt	02/02/2005	CCQ2311I	1194	Phan Tấn Đạt	7,4	4,5	5,7	
6	2123170530	Đỗ Tấn	Định	22/08/2005	CCQ2317O	1195	Định	7,1	5,7	6,3	
7	2123030007	Bùi Cao Nguyên	Dũ	11/11/2004	CCQ2303A	1196	Nguyên	7,1	3,7	5,1	
-8	2123170521	Hồ Bá	Dũng	10/03/2005	CCQ2317O			0,1			
9	2123270041	Trần Thị Thuý	Dương	19/10/2005	CCQ2327B	1195	Thuý	6,6	5,6	6,0	
10	2122170412	Lê Anh Vin	Em	30/10/2003	CCQ2217K	1194	Em	7,6	3,3	5,0	
11	2123200283	Lê Hoàng Bảo	Hà	16/06/2005	CCQ2320C	1197	Hà	6,4	3,8	4,8	
12	2122170718	Lê Văn	Hà	25/09/2004	CCQ2217R	1196	Hà	7,7	5,0	6,1	
13	2123100134	Phan Thị Mỹ	Hằng	07/12/2005	CCQ2310D	1195	Phan Thị Mỹ Hằng	7,2	2,7	4,5	
14	2123060193	Đặng Cao	Hiếu	22/09/2004	CCQ2306A	1194	Hiếu	6,4	4,2	5,1	
15	2122170422	Nguyễn Hữu Mạnh	Hùng	18/07/2004	CCQ2217K	1195	Hùng	8,1	4,4	5,9	
16	2122170127	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	CCQ2217D	1196	Hùng	4,5	4,8	4,7	
17	2122190111	Phạm Thiên	Hương	03/03/2004	CCQ2219D	1197	Hương	7,2	5,2	6,0	
18	2123030071	Nguyễn	Huy	02/01/2005	CCQ2303B	1194	Huy	8,2	5,1	6,3	
19	2123270009	Trần Dương	Khang	16/09/2005	CCQ2327A	1196	Trần Dương Khang	7,9	4,7	6,0	
20	2123030026	Trần Ngọc	Lực	30/11/2004	CCQ2303A	1195	Lực	5,7	3,7	4,5	
21	2123030041	Văn Thế	Nghi	05/06/2004	CCQ2303B	1194	Nghi	6,2	4,0	4,9	
22	2122170446	Nguyễn Bá	Nghiệp	08/04/2004	CCQ2217L	1197	Nghiệp	7,5	6,8	7,1	
23	2123100072	Trương Ngọc	Nhi	20/07/2005	CCQ2310C	1196	Nhi	5,9	6,4	6,2	
24	2123120398	Hồ Quốc	Nhiên	20/06/2005	CCQ2312G	1195	Nhiên	7,3	6,3	6,7	
25	2123100112	Đặng Thị Mỹ	Ni	17/12/2005	CCQ2310D	1197	Ni	4,3	2,7	3,3	
26	2123170080	Phạm Minh	Quân	26/03/2005	CCQ2317C	1194	Quân	7,5	3,7	5,2	
27	2123170364	Kiều Ngọc	Sang	18/01/2005	CCQ2317K	1195	Sang	4,9	5,8	5,4	
28	2122170289	Phạm Ngọc	Sum	22/04/2004	CCQ2217H	1196	Sum	6,3	7,4	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 41...

Số bài thi: 41.....

Số tờ giấy thi: 41.

Vũ Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc

Lê Bảo Anh

Nguyễn Thị Phương Linh

C. Bảo Anh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123200165	Đặng Thị Thanh	Thảo	27/03/2005	CCQ2320B	119 4	thao	4,8	6,3	5,7	
30	2123200717	Lê Thị Anh	Thư	10/03/2005	CCQ2320A	119 5	u	7,2	7,9	7,6	
31	2124100169	Hoàng Thị	Thương	15/02/2006	CCQ2410E	11 96	Thương	7,9	4,5	5,9	
32	2123170100	Lê Hoàng Vĩnh	Thụy	29/07/2005	CCQ2317C	11 96	Thụy	4,7	5,3	5,1	
33	2123030040	Bùi Ngọc	Tiến	28/08/2004	CCQ2303B	119 4	Es	5,1	4,0	4,4	
34	2123200381	Đặng Lê Ngọc	Trí	16/05/2005	CCQ2320D	11 96	Trí	6,1	4,6	5,2	
35	2122170423	Nguyễn Minh	Trí	03/02/2004	CCQ2217K	119 7	Trí	7,2	6,0	6,5	
36	2123100137	Phùng Thanh	Trúc	29/06/2005	CCQ2310D	119 7	Phùng	8,8	6,5	7,4	
37	2123170101	Nguyễn Văn	Trung	16/10/2004	CCQ2317C	119 7	Trung	5,7	8,8	7,6	
38	2123110352	Trần Bá	Tuyên	12/08/2005	CCQ2311I	119 5	Trần	7,9	4,9	6,1	
39	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	119 6	Tôn	4,0	4,1	4,1	
40	2123030255	Lê Quốc	Việt	14/04/2004	CCQ2303B	119 5	Việt	6,3	7,1	6,8	
41	2122170290	Lê Quang	Vinh	21/12/2004	CCQ2217H	119 5	Vinh	7,7	6,4	6,9	
42	2123200186	Dương Thị Mậu	Xuân	11/09/2005	CCQ2320B	119 4	Xuân	7,8	9,2	8,6	
43	2122210125	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/05/2004	CCQ2221F	119 7	Yến	5,7	4,8	5,2	